

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 26 - 6 - 2019

V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Minh;

Ông Đinh Thị Hồng Thơm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Bà Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2019/TLST - HNGĐ, ngày 11/3/2019, về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Kh, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 8, N, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “Chị K có đơn xin xét xử vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm 8, N, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 8, N, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Vũ Thị Kh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 25/9/2014 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Trong cuộc sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp; vợ chồng thường bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình cũng đã động viên, khuyên giải để vợ chồng tìm cách hàn gắn hạnh phúc

nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 12 năm 2017 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn tan vỡ, hôn nhân không có hạnh phúc nên nguyện vọng của chị là xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Kỳ P, sinh ngày 06/02/2015. Khi làm đơn xin ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị thay đổi quan điểm là xin trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Vợ chồng anh chị không có tài sản gì chung, riêng; không nợ nần, liên quan kinh tế với ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T và có liên lạc qua điện thoại nhưng anh T không trực tiếp trình bày quan điểm và không đến làm việc theo Giấy báo của Tòa án. Anh T chỉ gửi một số văn bản liên quan đến việc chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy Thành Phố Hà Nội để giải quyết.

Người làm chứng, ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Văn T. Chị Vũ Thị K và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị K ở cùng gia đình ông được khoảng một năm, sau đó lên Hà Nội làm việc. Mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng chị K, anh T thì ông không nắm được. Cách đây gần một năm, anh T và chị K có nói với gia đình là vợ chồng sẽ ly hôn do tính tình, lối sống không hòa hợp. Hai bên gia đình cũng đã tác động để anh T, chị K tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay chị K làm đơn xin ly hôn anh T thì tùy anh, chị quyết định; ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông đã chuyển các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như thông báo trực tiếp cho anh T về yêu cầu chị K cho anh T biết, gia đình đã tác động để anh T lên Tòa án làm việc, anh T nhận lời nhưng không đến Tòa án làm việc.

Chị K và anh có 01 con chung là Nguyễn Kỳ P, sinh ngày 06/02/2015. Đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh T, chị K và các quy định của pháp luật để giải quyết.

Về tài sản: Anh T, chị K không có tài sản gì chung, không nợ nần, liên quan kinh tế với gia đình ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Các đương

sự, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng, vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị K và anh Nguyễn Văn T; giao con chung chưa thành niên Nguyễn Kỳ P cho chị Vũ Thị K trực tiếp nuôi con; ghi nhận sự tự nguyện của chị Khánh không yêu cầu anh Tú cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội để giải quyết với lý do anh và vợ, con đang tạm trú tại: 51, Trung Yên 9, tổ 37, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Qua xác minh tại Công an phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy xác định, tại địa chỉ Số 51, Trung Yên 9, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội không có nhân khẩu nào tên Nguyễn Văn T, Vũ Thị K, Nguyễn Kỳ P. Do vậy, không có căn cứ để chuyển hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường tiếp tục giải quyết vụ án là phù hợp pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập hợp lệ tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị K và anh Nguyễn Văn T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 25/9/2014 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống chị K và anh T đã phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Gia đình cũng đã tác động để chị K, anh T tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng các bên không tìm được giải pháp, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh Nguyễn Văn T không đến tham gia hòa giải. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị K và anh T đã kéo dài từ nhiều năm nay, các bên không còn thiết tha đoàn tụ, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị K đối với chị Nguyễn Văn T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Chị Vũ Thị K và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Kỳ P, sinh ngày 06/02/2015. Anh T không thể hiện quan điểm gì về việc nuôi con; chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi

con, cháu P lại còn nhỏ nên ở với mẹ sẽ tốt hơn. Do đó cần giao cho chị K trực tiếp nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị K tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Vũ Thị K phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị K và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên:

Giao cho chị Vũ Thị K tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Kỳ P, sinh ngày 06/02/2015. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị K không yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Vũ Thị K phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001462 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Nam Định; chị Vũ Thị K đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã X;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Minh Đình Thị Hồng Thơm

Phạm Ngọc Long